

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-PT

Ngày 11 - 7 - 2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Toàn**.

Các Thẩm phán:

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

Bà **Võ Thị Thu Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trúc Hương**, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Trần Minh Hoàng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLPT-HNGĐ ngày 08/6/2017 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2017/HNGĐ-ST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2017/QĐ-PT ngày 14/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1965 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Tấn D**, sinh năm 1958 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà **Lê Thị T** trình bày:

Bà và ông D tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào năm 1985, đến năm 1986 thì tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới, bà và ông D sống chung hạnh phúc cho đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên tuy sống chung nhà nhưng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước kia bà có hùn vốn trồng thanh long với người khác không thông qua ý kiến của ông D nên đến năm 2015 ông D biết sự việc rất giận và bà cũng đã xin lỗi nhưng ông D không bỏ qua mà còn lấy làm có ghen tuông và thường xuyên chửi bà, từ khi cưới nhau mọi chi phí

sinh hoạt, nuôi con ăn học và bệnh của bà đều do ông D đưa tiền cho bà lo từ nguồn lương hưu của ông nhưng khoảng 01 năm nay ông D không đưa tiền cho bà. Hơn nữa, khi vợ chồng bất hòa thì con và em trai của bà không an ủi mà còn có những lời lẽ làm cho mâu thuẫn giữa bà và ông D thêm gay gắt. Bà chịu đựng không nổi nên làm đơn xin ly hôn với ông D. Ngày 16/02/2017, Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà và ông D. Ngày 21/02/2017 ông D có đơn thay đổi ý kiến không chấp nhận thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, từ sau khi Tòa án lập biên bản hòa giải ngày 16/02/2017 cho đến nay vì thương con cho nên bà đã nhiều lần cho ông D cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã mở lời nói chuyện trước nhưng ông D không quan tâm, không trả lời gì. Vì vậy, nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông D, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm, không muốn kéo dài quan hệ hôn nhân nên bà kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Minh L, sinh năm 1987 và Huỳnh Tấn K, sinh ngày 21/8/1993. Cả anh L và anh K đều đã trưởng thành và có công việc ổn định nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- Về tài sản chung: Bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* Bị đơn ông **Huỳnh Tấn D** trình bày:

Ông hoàn toàn thống nhất với nội dung trình bày của bà T về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn. Ngày 16/02/2017 ông và bà T thuận tình ly hôn nên Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông và bà T. Ngày 21/02/2017 ông có đơn thay đổi ý kiến không chấp nhận thuận tình ly hôn. Từ sau khi Tòa án lập biên bản hòa giải ngày 16/02/2017 đến nay, ông và bà T có nói chuyện với nhau nhưng rất ít, chứ không phải ông không nói chuyện như bà T trình bày. Ông thừa nhận từ cuối năm 2015 đến nay tuy ông và bà sống ly thân nhưng vẫn sống chung nhà. Do giận chuyện bà T hùn vốn trồng thanh long với người khác không thông qua ý kiến của ông nên ông mới phát sinh ghen tuông và giận bà T dẫn đến vợ chồng mới có cãi nhau. Tuy nhiên, ông xác định còn rất thương bà T, không muốn gia đình tan rã nên xin được đoàn tụ để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, không đồng ý ly hôn. Giải pháp đoàn tụ mà ông D nêu ra là ông sẽ nói chuyện lại với bà T, chấp nhận lời xin lỗi và bỏ qua lỗi lầm của bà T, ông sẽ tiếp tục đưa tiền cho bà T chữa bệnh, lo sinh hoạt gia đình như lúc trước.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Minh L, sinh năm 1987 và Huỳnh Tấn K, sinh ngày 21/8/1993. Cả anh L và anh K đều đã trưởng thành và có công việc ổn định nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2017/HNGĐ-ST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với ông Huỳnh Tấn D của bà Lê Thị T.

- Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai số 34663 ngày 22/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, bà T đã nộp xong tiền án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Ngày 20/4/2017 bà Lê Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Tấn D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Tấn D.

Ông D không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng hàn gắn tình cảm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bà T là có cơ sở. Bà T kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Theo bà T khai: Mọi chi phí sinh hoạt từ trước đến nay do ông D đưa tiền cho bà T quản lý chi tiêu trong gia đình; Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà và ông D là: Do ông D lấy lại sổ lương hưu, không cho bà T lãnh tiền, quản lý tiền, không đưa tiền cho bà T tiêu xài kể từ sau khi biết bà hùn vốn trồng thanh long mà không thông qua ý kiến của ông D. Khi bà T và ông D mâu thuẫn nhưng con và em trai bà T không an ủi mà có lời lẽ làm cho bà T và ông D gay gắt thêm. Ngoài ra, không có mâu thuẫn gì khác.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông D đồng ý giao tiền lương cho bà T quản lý, chi tiêu sử dụng trong gia đình như trước khi xảy ra mâu thuẫn, yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng.

[3] Xét thấy, nguyên nhân chính bà T xin ly hôn là do ông D không đưa tiền cho bà T sử dụng chi tiêu trong gia đình, đây là mâu thuẫn nhỏ vợ chồng trong việc chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, có thể hàn gắn tình cảm được. Hiện nay, bà T và ông D vẫn còn sống chung nhà chưa ly thân. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được nữa. Do đó, yêu cầu kháng cáo xin được ly hôn của bà T là không có cơ sở để chấp nhận. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về án phí: Bà T phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2017/HNGĐ-ST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa bà Lê Thị T với ông Huỳnh Tấn D.

- Về án phí: Bà Lê Thị T phải nghĩa vụ nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo 02 biên lai: biên lai số 34663 ngày 22/11/2016 và biên lai số 35188 ngày 20/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như bà Thương đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện C;
 - THADS huyện C;
 - UBND xã Q, H. C;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.
- HNPT-2017-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn